TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:23/2021/HNGĐ-ST
Ngày 18-6-2021
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Bà Đoàn Thị Oanh
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Quốc Sửu
Ông Trần Văn Thiện
Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 25/2021/TLST- HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2021 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2021và Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử số 13/TB- TA ngày 14/5/2021 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Chị Giáp Thị T, sinh năm 1998 (có đơn xin vắng mặt)
Nơi cư trú: thôn Ng, xã C, huyện T, tỉnh B.
* *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1996 (có đơn xin vắng mặt)
Nơi cư trú: thôn Kh, xã Ng, huyện T, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là chị Giáp Thị T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn H kết hôn tháng 4 năm 2017, trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện T, tỉnh B. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống tại nhà bố mẹ đẻ chị tại thôn Ng, xã C vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến tháng 9 năm 2020 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không còn tình cảm, anh H không quan tâm đến vợ con. Đến cuối năm 2020 vợ chồng sống ly thân, anh chị không quan tâm chăm sóc nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: anh chị có 02 con chung là Nguyễn Tú T, sinh ngày 22/12/2017 và Nguyễn Thị Ánh Ng, sinh ngày 16/5/2020, hiện nay hai con

chung đang ở với chị. Ly hôn chị xin được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, chị không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà chị T vắng mặt.

Tại bản tự khai và biên bản ghi lời tiếp theo, bị đơn là anh Nguyễn Văn H trình bày: anh và chị T kết hôn tháng 4 năm 2017, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện T. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc tại thôn Ng, xã C. Đến đầu năm 2020, vợ chồng phát sinh mâu thẫn do bất đồng quan điểm sống, quan điểm làm ăn kinh tế,vợ chồng sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân không quan tâm gì đến nhau. Nay anh H thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, chị T xin ly hôn, anh đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: vợ chồng anh có 02 con chung là Nguyễn Tú T, sinh ngày 22/12/2017 và Nguyễn Thị Ánh Ng, sinh ngày 16/5/2020, hiện con chung đang ở vơi chị T. Vợ chồng ly hôn anh đồng ý để chị T nuôi dưỡng con chung, anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà anh H vắng mặt:

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đảm bảo theo quy định.

Đối với những người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Xử cho chị Giáp Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

Về con chung: giao cho chị T nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Tú T, sinh ngày 22/12/2017 và Nguyễn Thị Ánh Ng, sinh ngày 16/5/2020. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T.

Về án phí: chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án và thẩm tra chứng cứ tại phiên toà, sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết, thủ tục tố tụng: chị T khởi kiện yêu cầu ly hôn và giải quyết về con chung với anh H có nơi cư trú tại thôn Kh, xã Ng, huyện T, tỉnh B. Tòa án nhân dân huyện T đã thụ lý giải vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình là đúng pháp luật, đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không thành nên đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định.

Tại phiên tòa, anh H, chị T vắng mặt nhưng anh H, chị T có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh H, chị T là đúng quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị T và anh H kết hôn tháng 4 năm 2017 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện T nên hôn nhân giữa anh chị là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị đã có thời gian chung sống hạnh phúc. Đến năm 2020, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, quan điểm làm ăn kinh tế, vợ chồng không quan tâm nhau. Nay chị T xác định không còn tình cảm với anh H và yêu cầu ly hôn, anh H đồng ý ly hôn với chị T. Hội đồng xét xử thấy: mâu thuẫn giữa chị T và anh H đã trầm trọng, đời sống chung thực tế không còn tồn tại từ năm 2020 cho đến nay, mục đích hôn nhân không đạt được, anh chị đều đề nghị được ly hôn. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần xử cho chị T ly hôn anh H là phù hợp.

[3] Về con chung: anh chị có 02 con chung là Nguyễn Tú T, sinh ngày 22/12/2017 và Nguyễn Thị Ánh Ng, sinh ngày 16/5/2020. Vợ chồng ly hôn, chị T xin được nuôi 02 con chung, chị không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Hiện nay chị T đi làm công nhân thu nhập ổn định 7.500.000 đồng/ tháng, chị T đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung. Tại biên bản làm việc với chính quyền địa phương và đơn xin xác nhận của trường mầm non C đều xác nhận hiện con chung đang ở với chị T, hai cháu phát triển bình thường về thể chất và tinh thần. Anh H đồng ý để cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung. Căn cứ vào khoản 2, khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử cần giao cháu T và cháu Ng cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Do chị T tự nguyện không yêu cầu anh Hè cấp dưỡng nuôi con chung nên không buộc anh Hè phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T.

Sau khi ly hôn anh H có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở anh H thực hiện quyền này theo quy định tại khoản 1, 3 điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình;

[4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: chị T, anh Hè không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: chị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 146; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Khoản 1 Điều 56; khoản 2, khoản 3 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Giáp Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

2.Về con chung: giao cho chị Giáp Thị T nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Tú T, sinh ngày 22/12/2017 và Nguyễn Thị Ánh Ng, sinh ngày 16/5/2020. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Tâm.

Sau khi ly hôn anh H có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh H thực hiện quyền này.

3. Về án phí: chị Giáp Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0000190 ngày 29 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Xác nhận chị Giáp Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn, bị đơn vắng mặt quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- UBND xã C;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đoàn Thị Oanh